

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX

Tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX

Tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch
Ông Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2023) Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2023)
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023)
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên độc lập - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2023)
Ông Tôn Mạnh Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2023)
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2023)
Ông Bùi Lê Cao Kế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tôn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Việt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX

Tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

112
ÔNG
INH
M T
LOI
CTI
DA

Số: 0557 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mai Hồng Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4834-2024-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.961.255.786	547.765.252.175
I. Tiền	110	4	56.499.988.673	38.057.743.857
1. Tiền	111		56.499.988.673	38.057.743.857
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	300.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	300.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.381.925.443	209.705.314.614
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		687.330.410	554.870.890
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	100.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	73.694.595.033	109.150.443.724
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		79.341.670	2.193.704
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.250.761	2.046.447
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.090.909	147.257
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.398.567.830.398	7.482.221.541.632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		840.000.000.000	212.200.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	21	840.000.000.000	212.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.965.985.052	828.386.525
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	2.965.985.052	828.386.525
- Nguyên giá	222		3.948.817.272	1.505.807.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(982.832.220)	(677.420.747)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		35.282.000	35.282.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.282.000)	(35.282.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.165.467.431	7.801.831.067
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7	8.165.467.431	7.801.831.067
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	8.547.142.539.431	7.260.984.484.068
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.353.430.160.820	7.082.937.098.286
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		215.770.631.933	215.770.631.933
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.058.253.322)	(37.723.246.151)
V. Tài sản dài hạn khác	260		293.838.484	406.839.972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		293.838.484	406.839.972
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.529.529.086.184	8.029.986.793.807

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.476.715.605.736	4.718.841.931
I. Nợ ngắn hạn	310		811.715.605.736	4.718.841.931
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	421.009.874.340	75.926.814
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	192.371.449	213.400.725
3. Phải trả người lao động	314		3.613.339.659	4.116.121.189
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	708.115.891	120.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		191.904.397	193.393.203
6. Vay ngắn hạn	320	12	386.000.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		665.000.000.000	-
1. Vay dài hạn	338	12	665.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.052.813.480.448	8.025.267.951.876
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	8.052.813.480.448	8.025.267.951.876
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.900.000.000.000	7.900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.900.000.000.000	7.900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		152.813.480.448	125.267.951.876
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.767.951.876	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		67.045.528.572	125.267.951.876
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.529.529.086.184	8.029.986.793.807



Đinh Thị Thu Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoàng Ngân
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		-	-
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	594.375.281.785	803.806.371.042
6. Chi phí tài chính	22	17	56.719.688.685	81.035.238.397
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.202.443.349	35.638.024.237
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	35.940.996.073	39.429.582.072
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		501.714.597.027	683.341.550.573
9. Thu nhập khác	31		11.279.545	2.706.966
10. Chi phí khác	32		40.348.000	-
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(29.068.455)	2.706.966
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		501.685.528.572	683.344.257.539
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	140.000.000	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		501.545.528.572	683.344.257.539

Đinh Thị Thu Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoàng Ngân
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	501.685.528.572	683.344.257.539
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	305.411.473	166.586.325
Các khoản dự phòng	03	(15.664.992.829)	35.272.214.160
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(580.592.679.594)	(787.927.271.925)
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	65.202.443.349	35.638.024.237
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(29.064.289.029)	(33.506.189.664)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(2.500.732.564)	(16.285.696.243)
Tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	27.605.380	532.687.130
Giảm chi phí trả trước	12	64.797.174	8.868.781.035
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	300.000.000.000	2.209.932.940.365
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.761.347.458)	(145.681.260.130)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(140.000.000)	(2.235.032.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	203.626.033.503	2.021.626.230.269
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.806.646.364)	(7.895.321.976)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(840.000.000.000)	(321.900.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	312.200.000.000	45.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(850.000.000.000)	(60.872.039.500)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	3.871.835	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	618.418.985.842	817.478.936.312
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(762.183.788.687)	471.811.574.836

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.214.102.988.023	1.252.958.333.329
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(163.102.988.023)	(3.370.600.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(474.000.000.000)	(592.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	577.000.000.000	(2.710.141.666.671)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	18.442.244.816	(216.703.861.566)
Tiền đầu năm	60	38.057.743.857	254.761.605.423
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	56.499.988.673	38.057.743.857

Đinh Thị Thu Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoàng Ngân
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107652657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 05 tháng 12 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 32 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng, bao gồm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng bao gồm thủy điện, điện mặt trời và điện gió; Khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch; Dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, ...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- ***Giải thể Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk***

Theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX và Quyết định số 01/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk, Công ty đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk. Việc giải thể được hoàn thành ngày 10 tháng 8 năm 2023. Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2023, Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk không còn là công ty con của Công ty.

- ***Nhận chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị***

Căn cứ Nghị quyết số 33/2023/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Công ty và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 2808/2023/HĐCNPVG/GELEX Infra – GELEX Electric giữa Công ty và Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("GELEX Electric"), Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng phần vốn góp là 1.142.100.000.000 VND (tương đương 90% vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị") tại ngày 29 tháng 9 năm 2023 với giá mua là 1.270.528.062.534 VND. Theo đó, GELEX Quảng Trị chính thức trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Công ty TNHH MTV Miral Quảng Trị - công ty con của Gelex Quảng Trị cũng trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3200685620 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 29 tháng 9 năm 2023, vốn điều lệ của GELEX Quảng Trị là 1.269.000.000.000 VND. Trong đó, giá trị phần vốn góp của Công ty là 1.142.100.000.000 VND tương ứng với 90% vốn điều lệ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	62,46%	62,46%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
2	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	Số 3, Nguyễn Việt Xuân, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX (*)	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100,00%	51,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
4	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh (*)	Số 2/2 Đ/S 4 Đường Trần Phú, Khu phố Ninh Trung, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	86,96%	98,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
5	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng trị (**)	Thôn Xa Bai, Xã Hướng Linh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	90,00%	90,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
6	Tổng Công ty Viglacera - CTCP (***)	Số 1, Đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam	50,21%	50,21%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng

(*) Các công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn nên tỷ lệ phần sở hữu đang xác định theo tỷ lệ vốn góp thực tế, tỷ lệ biểu quyết căn cứ vào thỏa thuận góp vốn giữa các bên.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng trị - Công ty con của Công ty cũng sở hữu công ty con với thông tin cụ thể về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Mirai Quảng Trị (i)	Quảng Trị	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

(i) Công ty này chưa bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh chính do đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

(***) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty Viglacera - CTCP - Công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết với thông tin cụ thể về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu (i)	Bắc Ninh	86,41%	86,41%	Sản xuất và kinh doanh kính
2	Công ty Cổ phần Viglacera Văn Hải	Quảng Ninh	98,17%	98,17%	Khai thác và kinh doanh cát, dịch vụ du lịch
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
4	Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	92,82%	92,82%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
5	Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	59,96%	59,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
6	Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera (ii)	Hà Nội	76,23%	85,95%	Kinh doanh sứ vệ sinh, sen vòi và vật liệu xây dựng
7	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51,07%	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
8	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
9	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
10	Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	96,19%	96,19%	Sản xuất và kinh doanh gạch, panel, bê tông khí chưng áp
11	Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh
12	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (iii)	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
13	Công ty Cổ phần Từ Liêm (iv)	Hà Nội	55,92%	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
14	Công ty Cổ phần 382 Đông Anh	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
15	Công ty Cổ phần Gốm Xây dựng Hữu Hưng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
16	Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera	Hà Nội	76,89%	76,89%	Lập dự án, thiết kế các công trình
17	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ (v)	Hưng Yên	60,00%	60,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
18	Công ty TNHH CHAO - Vigracera	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ, du lịch, nhà hàng
19	Công ty ViMariel - CTCP	Cuba	99,93%	99,95%	Đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
20	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Vũng Tàu	65,00%	65,00%	Sản xuất các sản phẩm kính
21	Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên (vi)	Thái Nguyên	51,00%	51,00%	Đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty liên doanh					
1	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Bắc Ninh	35,29%	35,29%	Sản xuất và kinh doanh kính
2	Công ty SANVIG - CTCP	Cuba	21,43%	50,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát
Công ty liên kết					
3	Công ty Cổ phần Gạch ngói Từ Sơn	Bắc Ninh	24,93%	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
4	Công ty Cổ phần Gốm Xây dựng Yên Hưng	Quảng Ninh	26,00%	26,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói đất sét nung
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	25,00%	25,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu
6	Công ty Cổ phần Gạch chịu lửa Cầu Đường	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch chịu lửa

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số công ty con của Tổng Công ty Viglacera - CTCP cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ như sau:

(i) Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera	Bắc Ninh	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh kính và các vật liệu thủy tinh

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vinafacade	Hà Nội	20,86%	20,86%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng

(ii) Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Magno GMBH	Cộng hòa Liên bang Đức	30,00%	30,00%	Thương mại

(iii) Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
2	Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera	Quảng Ninh	99,92%	99,92%	Sản xuất vật liệu xây dựng

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Quảng Ninh	40,00%	40,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói
2	Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	Quảng Ninh	40,00%	40,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói

(iv) Công ty Cổ phần Từ Liêm:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc	Hà Tĩnh	92,38%	92,38%	Sản xuất vật liệu xây dựng

(v) Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Thi công Hạ tầng Viglacera Yên Mỹ	Hưng Yên	100,00%	100,00%	Đầu tư xây dựng

(vi) Căn cứ Nghị quyết số 142a/TCT-HĐQT ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Viglacera - CTCP - Công ty con của Công ty ("Tổng Công ty Viglacera") về việc phê duyệt đề án thành lập và chủ trương đầu tư góp vốn của Tổng Công ty Viglacera để thành lập Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên ("Viglacera Thái Nguyên"), Tổng Công ty Viglacera đã hoàn tất việc góp vốn bằng hình thức chuyển khoản với số tiền 306.000.000.000 VND tại ngày 27 tháng 6 năm 2023, theo đó, Viglacera Thái Nguyên chính thức trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Tổng Công ty Viglacera – CTCP cũng sở hữu gián tiếp Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera thông qua các công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	51,02%	100,00%	Kinh doanh các sản phẩm gạch ốp lát

Thông tin chi tiết về công ty liên kết trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn	Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	25,52%	25,52%	Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

08/11/2023
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX
KIỂM TOÁN VIÊN
G.Đ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi và đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lãi lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ nhưng chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty chưa chắc chắn về khả năng sinh lãi trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.526.889.179	1.266.990.541
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.973.099.494	36.790.753.316
	<u>56.499.988.673</u>	<u>38.057.743.857</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	73.694.595.033	62.855.265.641
Lãi cho vay và lãi trái phiếu dự thu	-	37.795.178.083
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	-	8.500.000.000
	<u>73.694.595.033</u>	<u>109.150.443.724</u>
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 21)	<u>67.296.850.000</u>	<u>67.798.356.849</u>

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.307.880.000	197.927.272	1.505.807.272
Mua trong năm	2.443.010.000	-	2.443.010.000
Số dư cuối năm	3.750.890.000	197.927.272	3.948.817.272
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	574.482.774	102.937.973	677.420.747
Khấu hao trong năm	263.796.325	41.615.148	305.411.473
Số dư cuối năm	838.279.099	144.553.121	982.832.220
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	733.397.226	94.989.299	828.386.525
Tại ngày cuối năm	2.912.610.901	53.374.151	2.965.985.052

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 73.081.818 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73.081.818 VND).

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Điện gió Vĩnh Hải	4.993.000.595	4.993.000.595
Dự án Nhà máy điện gió Ninh Thuận	1.481.481.482	1.481.481.482
Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình kho, Cảng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) tại Xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	882.904.545	882.904.545
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Ninh Phước	444.444.445	444.444.445
Dự án Nhà máy Thủy điện tích năng Phước Đại	363.636.364	-
	8.165.467.431	7.801.831.067

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	8.353.430.160.820	(21.369.157.620)	13.763.741.832.000	7.082.937.098.286	(36.821.924.570)	9.669.883.984.000
Tổng Công ty Viglacera - CTCP (ii)	5.094.855.017.481	-	12.358.301.832.000	5.094.855.017.481	-	7.608.571.984.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (v)	1.275.907.080.805	-	1.405.440.000.000	1.275.907.080.805	-	2.061.312.000.000
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (iii)	1.270.528.062.534	-	(i)	-	-	-
Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng (iv)	712.100.000.000	(21.369.157.620)	(i)	712.100.000.000	(36.821.924.570)	(i)
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX Tây Ninh	20.000.000	-	(i)	20.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX	20.000.000	-	(i)	20.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk	-	-	-	35.000.000	-	(i)
Đầu tư vào Công ty liên kết	215.770.631.933	(689.095.702)	183.320.353.500	215.770.631.933	(901.321.581)	101.142.264.000
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (v)	215.770.631.933	(689.095.702)	183.320.353.500	215.770.631.933	(901.321.581)	101.142.264.000
	8.569.200.792.753	(22.058.253.322)		7.298.707.730.219	(37.723.246.151)	

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Viglacera – CTCP được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu của Tổng Công ty này được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong phiên giao dịch cuối cùng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.
Công ty cho mượn 125.000.000 cổ phiếu và 65.400.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Viglacera – CTCP do Công ty sở hữu để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX phát hành và khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
- (iii) Toàn bộ phần vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”) được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của GELEX Quảng Trị tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tràng An.
- (iv) Toàn bộ phần vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng (“Điện gió Hướng Phùng”) được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Điện gió Hướng Phùng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - chi nhánh Quảng Trị.
- (v) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn được xác định dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM trong phiên giao dịch cuối cùng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty con		
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Chưa là công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk	Không còn là công ty con	(vi)
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX Tây Ninh	(vi)	(vi)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX	(vi)	(vi)
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

(vi) Các công ty con này vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án và chưa có hoạt động kinh doanh chính tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số VND có khả năng trả nợ	Giá trị	Số VND có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 21)	420.528.062.534	420.528.062.534	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	481.811.806	481.811.806	75.926.814	75.926.814
	421.009.874.340	421.009.874.340	75.926.814	75.926.814

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	38.052.384	35.267.309	2.785.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	140.000.000	140.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	213.400.725	2.546.813.388	2.570.627.739	189.586.374
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.348.000	40.348.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	213.400.725	2.768.213.772	2.789.243.048	192.371.449

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	441.095.891	-
Chi phí khác	267.020.000	120.000.000
	708.115.891	120.000.000

12. VAY

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (I)	-	-	421.000.000.000	70.000.000.000	351.000.000.000	351.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội	-	-	93.102.988.023	93.102.988.023	-	-
	-	-	514.102.988.023	163.102.988.023	351.000.000.000	351.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000
	-	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000
	-	-	549.102.988.023	163.102.988.023	386.000.000.000	386.000.000.000

- (i) Phản ánh khoản vay theo Hợp đồng nguyên tắc cho vay vốn không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn phục vụ cho các hoạt động số 01/2022/HĐNTCVV/GELEX-INFRA ngày 17 tháng 8 năm 2022 và các Phụ lục vay từ Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX. Hạn mức vay không vượt quá 3.300.000.000.000 VND, thời hạn vay và lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng phụ lục của mỗi lần giải ngân.

b. Vay dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (i)	-	-	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000
	-	-	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-			35.000.000.000	
- Số phải trả sau 12 tháng	-	-			665.000.000.000	

- (i) Phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số MMD20231104859/HDTD ngày 28 tháng 6 năm 2023 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với tổng số tiền vay là 700 tỷ VND. Mục đích vay là tài trợ Phương án mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc trả hàng năm theo tỷ lệ: Năm thứ nhất: 5%; Năm thứ hai: 15%; Năm thứ ba: 20%; Năm thứ tư: 30%; Năm thứ năm: 30%. Lãi suất vay cho năm 2023 là 11,5%/năm và lãi vay được trả hàng quý.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

- Tòa nhà GELEX Tower tại địa chỉ Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Công ty mẹ của Công ty;
- Cổ phiếu GEE tại Công ty Cổ phần Điện lực GELEX thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Công ty mẹ của Công ty.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	35.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	105.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	560.000.000.000	-
	700.000.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	35.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	665.000.000.000	-

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	7.900.000.000.000	34.423.694.337	7.934.423.694.337
Lợi nhuận trong năm	-	683.344.257.539	683.344.257.539
Chia cổ tức	-	(592.500.000.000)	(592.500.000.000)
Số dư đầu năm nay	7.900.000.000.000	125.267.951.876	8.025.267.951.876
Lợi nhuận trong năm	-	501.545.528.572	501.545.528.572
Chia cổ tức (i)	-	(474.000.000.000)	(474.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	7.900.000.000.000	152.813.480.448	8.052.813.480.448

- (i) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 6% mệnh giá cổ phần. Trong năm 2022, Công ty đã tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 5,5% mệnh giá cổ phần. Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐQT thông qua phương án chi trả phần còn lại cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 0,5% mệnh giá cổ phần, tương đương 39.500.000.000 VND.

Trong năm Công ty cũng tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2023 theo 02 đợt như sau:

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 01 bằng tiền với tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 2,5% mệnh giá cổ phần, tương đương 197.500.000.000 VND.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐQT thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 02 bằng tiền với tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 3% mệnh giá cổ phần, tương đương 237.000.000.000 VND.

Nguồn tạm ứng cổ tức là lợi nhuận chưa phân phối dự kiến cả năm 2023 của Công ty.

Danh sách cổ đông nhận chi trả cổ tức được xác định/chốt tại ngày 06 tháng 6 năm 2023 và 06 tháng 10 năm 2023. Toàn bộ các khoản cổ tức này đã được thanh toán trong năm 2023.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	790.000.000	790.000.000
Cổ phiếu phổ thông	790.000.000	790.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	790.000.000	790.000.000
Cổ phiếu phổ thông	790.000.000	790.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 7.900.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.900.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	6.529.000.000.000	82,646%	6.529.000.000.000	82,646%
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	1.110.886.500.000	14,062%	1.110.886.500.000	14,062%
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	259.300.000.000	3,282%	260.000.000.000	3,291%
Cổ đông khác	813.500.000	0,010%	113.500.000	0,001%
	<u>7.900.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>7.900.000.000.000</u>	<u>100%</u>

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đều liên quan đến hoạt động quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Công ty không có hoạt động kinh doanh nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam trong năm nay và năm trước; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	21.627.669.371	24.486.628.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.945.336.132	6.222.190.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.411.473	166.586.325
Chi phí khác	5.062.579.097	8.554.176.991
	35.940.996.073	39.429.582.072

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	497.059.360.000	701.308.200.000
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	83.564.447.759	86.619.071.925
Lãi kinh doanh chứng khoán	13.751.474.026	15.879.099.117
	594.375.281.785	803.806.371.042
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 21)	564.444.976.444	718.235.350.682

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	65.202.443.349 (15.664.992.829)	35.638.024.237 35.272.214.160
Chi phí cam kết rút vốn	7.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	-	10.125.000.000
Chi phí tài chính khác	182.238.165	-
	56.719.688.685	81.035.238.397
Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 21)	25.370.273.972	19.094.671.231

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.627.669.371	24.486.628.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.411.473	166.586.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.945.336.132	6.222.190.232
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.062.579.097	8.554.176.991
	35.940.996.073	39.429.582.072

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	140.000.000	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	140.000.000	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	501.685.528.572	683.344.257.539
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ khác</i>	<i>2.971.862.967</i>	<i>6.105.136.969</i>
<i>Trừ: Cổ tức nhận từ công ty con</i>	<i>(497.059.360.000)</i>	<i>(701.308.200.000)</i>
<i>Trừ: Lãi vay không được khấu trừ các năm trước</i>	<i>(7.598.031.539)</i>	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi tiết lỗ tính thuế được chuyển qua các năm như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị: VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2022	2027	10.829.983.103	-	10.829.983.103
TỔNG CỘNG		10.829.983.103	-	10.829.983.103

Chi tiết lãi vay không được khấu trừ các năm trước được chuyển qua các năm như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển chi phí lãi vay đến năm	Chi phí lãi vay không được trừ	Số chi phí lãi vay còn được chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2022		Số chi phí lãi vay còn được chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			Số chi phí lãi vay đã chuyển trong năm	Số chi phí lãi vay đã chuyển trong năm	Số chi phí lãi vay đã chuyển trong năm	Số chi phí lãi vay đã chuyển trong năm
2019	2024	16.737.782.908	16.737.782.908	7.598.031.539	9.139.751.369	-
2020	2025	50.774.356.098	50.774.356.098	-	50.774.356.098	-
2021	2026	40.607.178.009	40.607.178.009	-	40.607.178.009	-
TỔNG CỘNG		108.119.317.016	108.119.317.015	7.598.031.539	100.521.285.476	-

20. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận và các công ty con của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận – bên liên quan cùng Tập đoàn của Công ty và Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị - Công ty con của Công ty với số tiền tối đa bằng số nợ gốc mà ngân hàng sẽ giải ngân cho các công ty này với số tiền lần lượt là 114,8 tỷ VND và 1.859 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 143,5 tỷ VND và 0 VND).

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng	Công ty con trực tiếp
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình
Ông Bùi Lê Cao Kế	Nhân sự chủ chốt

(*) Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2022.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.191.512.304	1.774.875.944
Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam	312.648.660	280.544.470
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	-	245.950.390
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	-	16.175.250
	2.684.160.964	2.497.546.054
Cho vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	840.000.000.000	135.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	-	186.900.000.000
	840.000.000.000	321.900.000.000
Thu hồi gốc vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	212.200.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	100.000.000.000	35.000.000.000
	312.200.000.000	45.000.000.000
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	59.258.082.195	1.118.630.137
Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	8.127.534.249	13.808.520.545
	67.385.616.444	14.927.150.682
Vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	421.000.000.000	1.252.000.000.000
	421.000.000.000	1.252.000.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo):

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh toán gốc vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	70.000.000.000	2.370.600.000.000
	70.000.000.000	2.370.600.000.000
Mua lại trái phiếu phát hành		
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	-	592.309.918.200
	-	592.309.918.200
Chi phí lãi vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	25.370.273.972	8.969.671.231
	25.370.273.972	8.969.671.231
Chi phí phát hành trái phiếu		
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	-	10.125.000.000
	-	10.125.000.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần công ty con		
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	1.270.528.062.534	-
	1.270.528.062.534	-
Nhận chuyển nhượng vốn công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	52.772.039.500
	-	52.772.039.500
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	391.740.000.000	459.675.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	66.653.190.000	113.316.487.500
	458.393.190.000	572.991.487.500
Nhận cổ tức từ các công ty con		
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	450.211.360.000	562.764.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	46.848.000.000	140.544.000.000
	497.059.360.000	703.308.200.000

(*) Giao dịch được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	420.528.062.534	-
	420.528.062.534	-
Phải thu về cho vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (i)	840.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	-	212.200.000.000
	840.000.000.000	312.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Bùi Lê Cao Kế	67.296.850.000	59.690.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	-	7.006.136.986
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	1.101.369.863
	67.296.850.000	67.798.356.849
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	351.000.000.000	-
	351.000.000.000	-

- (i) Thể hiện khoản phải thu về cho vay tín chấp với Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX theo các Hợp đồng cho vay số 01/2023/HĐV/GELEX-INFRA ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Hợp đồng cho vay số 02/2023/HĐV/GELEX-INFRA ngày 20 tháng 6 năm 2023 với lãi suất 10% - 12%/năm. Thời hạn cho vay được quy định cụ thể đối với từng khoản cho vay nhưng không vượt quá 03 năm kể từ ngày giải ngân khoản cho vay đầu tiên. Gốc thanh toán khi đáo hạn, lãi vay được thanh toán vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 6 hoặc tháng 12 mỗi năm hoặc ngày cuối cùng của thời hạn vay hoặc ngày trả nợ trước hạn của mỗi khoản vay.

Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	2.467.000.000	2.585.000.000
Lương và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc	6.591.440.000	7.568.190.607
	9.058.440.000	10.153.190.607



Đinh Thị Thu Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoàng Ngân
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2024